

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC**  
**MỘT THÀNH VIÊN YẾN SÀO KHÁNH HÒA**



## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 38

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa ("Công ty") tiền thân là Công ty Yến Sào Khánh Hòa, là công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 78/QĐ/UB ngày 16 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty nhà nước số 370600029 do Sở Kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 1993.

Ngày 26/10/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định số 2689/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Công ty Yến Sào Khánh Hòa thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4200338918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 2009 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định 630/QĐ-UBND ngày 06/03/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa. Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay thứ 9 ngày 24/05/2019 với vốn điều lệ là 941.101 triệu đồng.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ trụ sở chính của Chủ sở hữu đặt tại 01 Trần Phú, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : 84 258 382 2472

Fax : 84 258 382 9267

Website : [www.yensaokhanhhoa.com.vn](http://www.yensaokhanhhoa.com.vn)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo đăng ký kinh doanh: Khai thác tài nguyên Yến Sào các loại; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản biển; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo trì rau củ quả; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất thực phẩm khác; Sản xuất rượu đại bổ yến sào; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất mỹ phẩm; Sản xuất hoá dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Thi công xây dựng nhà nuôi chim yến, xây dựng công trình xây dựng; Đại lý môi giới đầu giá; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia; Kinh doanh dịch vụ Khách sạn, Làng du lịch; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Thiết kế kiến trúc xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế xây dựng nhà nuôi chim yến; Thiết kế quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông nghiệp; Điều tra, đo đạc và lập hồ sơ; vẽ bản đồ và thông tin về không gian; Tư vấn kỹ thuật công nghệ nuôi chim yến; Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; Chăn nuôi trâu bò; Chăn nuôi dê cừu; Chăn nuôi lợn Chăn nuôi gia cầm; Hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; Hoạt động thể thao khác; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 38).

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng thành viên**

Ông Lê Hữu Hoàng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Hùng	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Trang	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên**

Ông Nguyễn Anh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Viết Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Liễu Nhi	Kế toán trưởng
Bà Bùi Mai Ngọc Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Phi Hùng	Kiểm soát viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lê Hữu Hoàng - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

**CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

248 Thống Nhất, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Anh Hùng**

Tổng giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Số: 031/2020/BCTC-FACNT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi :** Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thịnh**  
Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2018-099-1  
Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2020



**Nguyễn Gia Thành**  
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4123-2017-099-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>616.956.775.336</b>	<b>557.608.124.829</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V. 1	<b>158.132.447.228</b>	<b>227.422.442.172</b>
1. Tiền	111		148.132.447.228	187.422.442.172
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	40.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>147.794.539.435</b>	<b>133.256.397.742</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	21.556.592.752	47.713.784.651
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 3	9.234.353.272	10.445.240.643
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 4	117.003.593.411	75.097.372.448
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>272.425.408.961</b>	<b>168.934.970.719</b>
1. Hàng tồn kho	141	V. 5	272.425.408.961	168.934.970.719
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>38.604.379.712</b>	<b>27.994.314.196</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 6.a	8.040.538.323	8.190.757.805
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		479.898.557	395.779.431
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 7	30.083.942.832	19.407.776.960
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>658.725.962.777</b>	<b>626.763.569.469</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.980.481.240</b>	<b>135.460.913.571</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 8	88.729.383.269	113.191.633.780
<i>Nguyên giá</i>	222		293.361.363.140	291.459.567.278
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(204.631.979.871)	(178.267.933.498)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 9	22.251.097.971	22.269.279.791
<i>Nguyên giá</i>	228		22.394.431.310	22.394.431.310
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(143.333.339)	(125.151.519)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>136.663.324.394</b>	<b>99.966.406.349</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 10	136.663.324.394	99.966.406.349
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>405.104.120.195</b>	<b>386.504.120.195</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V. 11	404.134.664.195	385.534.664.195
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 12	969.456.000	969.456.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.978.036.948</b>	<b>4.832.129.354</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 6.b	5.978.036.948	4.832.129.354
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.275.682.738.113</b>	<b>1.184.371.694.298</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>196.086.589.649</b>	<b>168.931.540.872</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>196.086.589.649</b>	<b>168.931.540.872</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 13	176.228.600.357	60.794.061.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 14	15.192.449.556	23.956.144.665
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 15	1.220.846.436	25.320.714.885
4. Phải trả người lao động	314	V. 16	-	36.909.418.814
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 17	3.444.693.300	7.654.707.278
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 18	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	-	14.296.493.554
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019		01/01/2019	
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.079.596.148.464</b>		<b>1.015.440.153.426</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.078.748.982.464</b>		<b>1.014.478.607.426</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 20	949.101.000.000		949.101.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-		-	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-		-	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-		-	
5. Cổ phiếu quỹ	415		-		-	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-		-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-		-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 20	129.647.982.464		65.377.607.426	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-		-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-		-	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-		-	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a					
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b					
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-		-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>847.166.000</b>		<b>961.546.000</b>	
1. Nguồn kinh phí	432	V. 21	847.166.000		961.546.000	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.275.682.738.113</b>		<b>1.184.371.694.298</b>	

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2020



Huỳnh Thị Trần Lê  
Người lập biểu



Võ Thị Liễu Nhi  
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Hùng  
Tổng giám đốc

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	3.759.756.564.452	4.226.416.071.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	30.068.352.270	27.723.548.516
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	3.729.688.212.182	4.198.692.522.783
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	2.785.722.618.342	3.113.841.166.752
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		943.965.593.840	1.084.851.356.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	69.560.857.029	71.522.936.840
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	884.731.799	2.277.114.262
Trong đó: chi phí lãi vay	23		769.234.032	2.180.205.954
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 5	592.885.306.681	754.983.557.758
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	112.057.221.305	94.465.722.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		307.699.191.084	304.647.898.368
11. Thu nhập khác	31		3.615.946.135	5.799.388.043
12. Chi phí khác	32		15.542.512	4.640.419.636
13. Lợi nhuận khác	40		3.600.403.623	1.158.968.407
14. Lợi nhuận kế toán trước khoản phải nộp NSNN về khai thác yển sào và thuế TNDN			<u>311.299.594.707</u>	<u>305.806.866.775</u>
15. Khoản phải nộp NSNN về khai thác yển sào		VI. 7	60.410.389.130	60.249.159.331
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>250.889.205.577</u>	<u>245.557.707.444</u>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	36.521.359.618	35.966.152.657
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>214.367.845.959</u>	<u>209.591.554.787</u>

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2020



Huỳnh Thị Trần Lê  
Người lập biểu

Võ Thị Liễu Nhi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Hùng  
Tổng giám đốc

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>250.889.205.577</b>	<b>245.557.707.444</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 8, 9	26.382.228.193	29.725.094.817
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(69.485.243.913)	(71.499.749.689)
- Chi phí lãi vay	06		769.234.032	2.180.205.954
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>208.555.423.889</b>	<b>205.963.258.526</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.544.614.862)	(24.020.298.974)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(103.490.438.242)	37.758.839.406
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		60.180.193.841	(9.243.756.425)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(995.688.112)	1.044.784.186
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(769.234.032)	(2.180.205.954)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V. 15	(42.766.152.657)	(37.828.121.037)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.085.943.000	2.682.514.740
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(131.560.909.054)	(114.145.545.056)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(52.305.476.229)</b>	<b>60.031.469.412</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(53.374.711.193)	(64.700.158.419)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		19.578.689.316	19.578.689.316
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.591.843.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		67.310.393.913	124.689.878.593
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>33.514.372.036</b>	<b>88.160.252.690</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2019	2018
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V. 20	-	173.636.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V. 18	85.095.855.465	62.749.390.986
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V. 18	(85.095.855.465)	(218.837.765.683)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.498.890.751)	(32.915.442.890)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(50.498.890.751)</b>	<b>(15.367.817.587)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(69.289.994.944)</b>	<b>132.823.904.515</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V. 1</b>	<b>227.422.442.172</b>	<b>94.598.537.657</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V. 1</b>	<b>158.132.447.228</b>	<b>227.422.442.172</b>

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2020



Huỳnh Thị Trần Lê  
Người lập biểu



Võ Thị Liễu Nhi  
Kế toán trưởng





Nguyễn Anh Hùng  
Tổng giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Thông tin về Công ty**

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa ("Công ty") tiền thân là Công ty Yến Sào Khánh Hòa, là công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 78/QĐ/UB ngày 16 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty nhà nước số 370600029 do Sở Kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 1993.

Ngày 26/10/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định số 2689/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Công ty Yến Sào Khánh Hòa thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4200338918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 2009 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần đầu là 69.000.000.000 đồng. Ngày 11/09/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định 2248/QĐ-UBND điều chỉnh vốn điều lệ Công ty từ 69.000.000.000 đồng lên 119.000.000.000 đồng.

Ngày 15 tháng 7 năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định số 1697/QĐ-UBND điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty từ 119.000.000.000 đồng lên 239.229.000.000 đồng. Nguồn bổ sung vốn sử dụng từ lợi nhuận được chia theo vốn nhà nước trong 03 năm (2013-2015), quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác.

Ngày 10/11/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định 2993/QĐ-UBND về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa từ 239.229 triệu đồng lên 383.533 triệu đồng. Công ty được sử dụng số dư quỹ đầu tư phát triển đến ngày 31/12/2013, quỹ đầu tư phát triển trong 3 năm (2014 - 2016), vốn Nhà nước tham gia tại Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết và nguồn vốn khác theo quy định.

Ngày 06/03/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định 630/QĐ-UBND về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa từ 383.533 triệu đồng lên 949.101 triệu đồng. Nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ: Ngân sách tỉnh Khánh Hòa cấp 173.636 triệu đồng từ nguồn thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế năm 2017 chuyển nguồn sang năm 2018; và Công ty được sử dụng số dư quỹ đầu tư phát triển đến 31/12/2016, quỹ đầu tư phát triển trong 3 năm (2017-2019) và các nguồn vốn khác để bổ sung đủ số vốn điều lệ trên.

Vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định 630/QĐ-UBND ngày 06/03/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa. Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay thứ 9 ngày 24/05/2019 với vốn điều lệ là 941.101 triệu đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo đăng ký kinh doanh: Khai thác tài nguyên Yến Sào các loại; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản biển; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo trì rau củ quả; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất thực phẩm khác; Sản xuất rượu đại bổ yến sào; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất mỹ phẩm; Sản xuất hoá dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Thi công xây dựng nhà nuôi chim yến, xây dựng công trình xây dựng; Đại lý môi giới đầu giá; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia; Kinh doanh dịch vụ Khách sạn, Làng du lịch; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Thiết kế kiến trúc xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế xây dựng nhà nuôi chim yến; Thiết kế quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông nghiệp; Điều tra, đo đạc và lập hồ sơ; vẽ bản đồ và thông tin về không gian; Tư vấn kỹ thuật công nghệ nuôi chim yến; Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; Chăn nuôi trâu bò; Chăn nuôi dê cừu; Chăn nuôi lợn Chăn nuôi gia cầm; Hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; Hoạt động thể thao khác; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

2. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Không quá 12 tháng.

3. **Cấu trúc Công ty:**

3.1. **Đơn vị trực thuộc**

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

1. **Nhà máy Chế biến nguyên liệu Yến Sào**  
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
2. **Nhà máy Thực phẩm cao cấp Yến Sào**  
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
3. **Xưởng Chế biến nguyên liệu Yến Sào**  
Địa chỉ: Số 248 Thống Nhất, phường Phương Sơn, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
4. **Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ nuôi chim yến Sanatech**  
Địa chỉ: 38 Phan Chu Trinh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
5. **Trung tâm Dịch vụ Phở đi bộ Nha Trang**  
Địa chỉ: Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
6. **Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa tại thành phố Hồ Chí Minh**  
Địa chỉ: Số 540 đường 3 Tháng 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
7. **Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa tại Hà Nội**  
Địa chỉ: Số 237 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
8. **Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa tại Đà Nẵng**  
Địa chỉ: Số 184 Lê Đình Lý, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
9. **Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa tại TP. Hồ Chí Minh**  
Địa chỉ: 350 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
10. **Nhà khách Khánh Hoà**  
Địa chỉ: Số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà
11. **Trung tâm Huấn luyện Du lịch Đào yến Đông Tầm**  
Địa chỉ: Tầng 1 Cảng Yến sào, Phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà
12. **Trung tâm Nghiên cứu Khoa học**  
Địa chỉ: Thôn Phú Thạnh, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

3.2 **Công ty con**

Trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty ("Công ty mẹ") có 16 công ty con, chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Thông tin chính về các công ty con như sau:

1. **Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa ("Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa")**

Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa tiền thân Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh, được thành lập theo Quyết định số 2150/QĐ-YS ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Ngày 05 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh thành Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa.

Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 09 tháng 9 năm 2016, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh. Vốn điều lệ của công ty con này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 230 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 51% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

## 2. Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa ("Công ty NGK Sanest Khánh Hòa")

Công ty NGK Sanest Khánh Hòa tiền thân Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa, được thành lập theo Quyết định số 2336/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty NGK Sanest Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016.

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2017 ngày ngày 23 tháng 6 năm 2017 và Quyết định số 3204/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Công ty NGK Sanest Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa. Vốn điều lệ của công ty con này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 330 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 51,06% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Quốc Lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ...

## 3. Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty NGK Sanna Khánh Hòa")

Công ty Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tiền thân Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 2340/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Công ty NGK Sanna Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa. Vốn điều lệ của công ty con này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 51% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Điều hành tua du lịch...



**4. Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist ("Công ty Du lịch Sanest Tourist")**

Công ty Du lịch Sanest Tourist được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ hoạt động kinh doanh (bao gồm tài sản và lao động) của Trung tâm Dịch vụ Du lịch Sanest Tourist theo Quyết định số 2351/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016 và cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 02 năm 2017. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 30 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: 89 Thống Nhất, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; Bán buôn thực phẩm và đồ uống; Vận tải hành khách đường bộ khác; Hoạt động thể thao khác; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Hoạt động vui chơi giải trí khác; Điều hành tua du lịch...

**5. Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land ("Công ty Sanatech Land")**

Công ty Sanatech Land được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Xí nghiệp Thiết kế xây dựng nhà yến Sanatech Land theo Quyết định số 2346/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201680056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2016 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 07 năm 2016. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 35 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: 55 Ngô Gia Tự, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ khác; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thực phẩm và đồ uống; Bán buôn máy móc thiết bị, vật liệu và phụ tùng; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ thực phẩm và đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống...

**6. Công ty TNHH Một thành viên Nông trường Dừa Cam Thịnh ("Công ty Nông trường Dừa Cam Thịnh")**

Công ty Nông trường Dừa Cam Thịnh được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Nông trường Dừa Cam Thịnh theo Quyết định số 6280/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201766754 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 30 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Trồng cây hàng năm (cây lương thực và cây công nghiệp...); Trồng cây lâu năm (cây ăn quả, cây công nghiệp...); Chăn nuôi gia súc và gia cầm; Dịch vụ trồng trọt và chăn nuôi; Chế biến và bảo quản nông sản và thực phẩm; Bán buôn thực phẩm và đồ uống; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất gạch không nung...

**7. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tuyển Bắc Nam ("Công ty Dịch vụ Tuyển Bắc Nam")**

Công ty Dịch vụ Tuyển Bắc Nam được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Trung tâm Dịch vụ Tuyển Bắc Nam theo Quyết định số 6285/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201766761 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 30 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn thực phẩm, đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn xăng, dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; Bán lẻ thực phẩm, hàng hóa... ; Chỗ nghỉ trọ và lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; Hoạt động thể thao giải trí....

**8. Công ty TNHH Một thành viên Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ("Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa")**

Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa theo Quyết định số 6290/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201766779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 20 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: 46 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Sản xuất, chế biến và bảo quản thực phẩm; Bán buôn thực phẩm, đồ uống và tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống...; Vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; Hoạt động thể thao giải trí....

**9. Công ty TNHH Một thành viên Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ("Công ty QBSP và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa")**

Công ty QBSP và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Trung tâm Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa theo Quyết định số 6296/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201766786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 20 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: 04 Phạm Văn Đồng, phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Sản xuất, chế biến và bảo quản thực phẩm; Bán buôn thực phẩm, đồ uống và tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống... trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp và các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống...

**10. Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Fishsan ("Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan")**

Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản theo Quyết định số 6275/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201766793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 20 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Số 10 Yersin, Phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Nuôi trồng và khai thác thủy sản; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến và bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn thực phẩm, đồ uống và tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống... trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa đường bộ...

**11. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng ("Công ty DVDL và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng")**

Công ty DVDL và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Trung tâm Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa tại Lâm Đồng theo Quyết định số 6302/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801357762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 20 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Số 40 đường Phan Đình Phùng, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Trồng rau, đậu, hoa, cây cảnh các loại; Trồng cây lâu năm; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Dịch vụ lâm nghiệp; Bán buôn thực phẩm, đồ uống...; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống... trong các cửa hàng cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; Điều hành tua du lịch; Hoạt động vui chơi giải trí; Kinh doanh bất động sản...

**12. Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa ("Công ty Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa")**

Công ty Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201767187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 9 tỷ đồng, trong đó Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty kiểm soát công ty con này thông qua Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa.

Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Buôn bán tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến; Nuôi chim yến; Chế biến các sản phẩm từ yến sào; Bán buôn thực phẩm, đồ uống và tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, tổ yến... trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp và cửa hàng chuyên doanh;

**13. Công ty TNHH Một thành viên Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến Sào Khánh Hòa ("Công ty NGK cao cấp Yến Sào Khánh Hòa")**

Công ty NGK cao cấp Yến Sào Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201770743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2017. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty kiểm soát công ty con này thông qua Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa.

Trụ sở chính: Lô NM5, NM6 đường số 1, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

**14. Công ty TNHH Một thành viên Yến sào Savinest Việt Nam ("Công ty Yến sào Savinest Việt Nam")**

Công ty Yến sào Savinest Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2018. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 36 tỷ đồng, trong đó Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty kiểm soát công ty con này thông qua Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa.

Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ yến.

**15. Công ty TNHH Một thành viên Yến sào Savinest Khánh Hòa ("Công ty Yến sào Savinest Khánh Hòa")**

Công ty Yến sào Savinest Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815419 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2018. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 36 tỷ đồng, trong đó Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty kiểm soát công ty con này thông qua Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa.

Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ yến.

**16. Công ty TNHH Một thành viên Sanest Khánh Hòa ("Công ty TNHH Sanest Khánh Hòa")**

Công ty TNHH Sanest Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201853950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2019. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 36 tỷ đồng, trong đó Công ty NGK Sanest Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty kiểm soát công ty con này thông qua Công ty NGK Sanest Khánh Hòa.

Trụ sở chính: Số 9D Lê Thánh Tôn, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh: Bán buôn thực phẩm.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan khác của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Chuẩn mực kế toán trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## 2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản, còn các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản, còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## 6. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30 năm
- Máy móc và thiết bị	05-12 năm
- Phương tiện vận tải	06-12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10 năm
- Vườn cây lâu năm	20 năm
- Công nghệ sản xuất	06-08 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời gian sử dụng

## 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 9. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

## 10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

## 11. Các khoản đầu tư

### **Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn được lập cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị nếu có phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị trực tiếp vào khoản đầu tư.

#### 12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### 14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 15. Vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn Ngân sách Nhà nước cấp được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư và do doanh nghiệp tự bổ sung.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

#### 18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt tại quỹ	7.482.534.421	7.836.017.373
Tiền gửi ngân hàng	140.649.912.807	179.586.424.799
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng )	10.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>158.132.447.228</u></b>	<b><u>227.422.442.172</u></b>

### 2. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Phải thu của bên liên quan</b>	<b>730.069.182</b>	<b>8.966.780.394</b>
- Công ty Cung ứng Vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	-	256.130.925
- Công ty NGK Yến Sào Khánh Hòa	11.771.430	-
- Công ty Nông trường dừa Cam Thịnh	43.036.604	957.053.125
- Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	44.589.276	-
- Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	77.531.096	-
- Công ty QBSP và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	97.407.942	1.764.864.060
- Công ty DVDL và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	19.356.693	647.406.120
- Công ty Du lịch Sanest Tourist	18.024.813	2.170.747.723
- Công ty Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	413.708.381	463.060.639
- Công ty Sanatech Land	4.642.947	2.707.517.802
<b>Phải thu của các khách hàng khác</b>	<b>20.826.523.570</b>	<b>38.747.004.257</b>
- Nhóm các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Vincommerce	9.465.721.599	6.462.149.371
- Công ty TNHH Thiên Tân Trung	-	2.827.418.934
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Thịnh Thành	-	2.674.653.452
- Các khách hàng khác	11.360.801.971	26.782.782.500
<b>Cộng</b>	<b><u>21.556.592.752</u></b>	<b><u>47.713.784.651</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
<b>Trả trước cho các khách hàng khác</b>	<b>9.234.353.272</b>	<b>10.445.240.643</b>
- Công ty Cổ phần Môi trường Vinatech	3.200.000.000	7.899.361.800
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CIC	1.221.994.630	-
- Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa	1.437.853.256	116.238.400
- Công ty TNHH Bao bì Tân Xuân	528.000.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bao Bì Mỹ Phúc	259.600.000	-
- Công ty Cổ phần Gốm Sứ Sáng tạo Việt Nam	106.154.400	229.904.400
- Các khách hàng khác	2.480.750.986	2.315.974.443
<b>Cộng</b>	<b><u>9.234.353.272</u></b>	<b><u>10.445.240.643</u></b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Phải thu của bên liên quan</b>	<b>68.262.250.000</b>	<b>66.087.400.000</b>
- Cổ tức được hưởng tại Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa	28.500.000.000	27.448.200.000
- Cổ tức được hưởng tại Công ty NGK Sanest Khánh Hòa	38.500.000.000	37.440.700.000
- Cổ tức được hưởng tại Công ty NGK Sanna Khánh Hòa	1.262.250.000	1.198.500.000
<b>Phải thu của các đối tượng khác</b>	<b>48.741.343.411</b>	<b>9.009.972.448</b>
- Phải thu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.305.555.896	1.201.368.826
- Tạm ứng của cán bộ công nhân viên	636.003.461	1.434.908.255
- Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa	-	2.617.542.501
- Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa	3.243.560.981	3.243.560.981
- Các khoản khác	43.556.223.073	512.591.885
<b>Cộng</b>	<b><u>117.003.593.411</u></b>	<b><u>75.097.372.448</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Nguyên liệu, vật liệu	46.602.768.849	34.965.882.016
Công cụ, dụng cụ	8.131.017.047	9.990.611.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	77.747.542.090	49.601.257.806
Thành phẩm tồn kho	136.825.990.573	71.294.520.402
Hàng hóa tồn kho	3.118.090.402	3.082.699.294
<b>Cộng</b>	<b><u>272.425.408.961</u></b>	<b><u>168.934.970.719</u></b>

**6. Chi phí trả trước**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>6.a Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>8.040.538.323</b>	<b>8.190.757.805</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	681.544.947	860.551.627
Chi phí thuê mặt bằng	3.086.640.647	5.178.071.166
Chi phí khác	4.272.352.729	2.152.135.012
<b>6.b Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>5.978.036.948</b>	<b>4.832.129.354</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	632.261.040	1.186.307.536
Chi phí thuê mặt bằng	5.127.587.864	3.344.251.107
Chi phí khác	218.188.044	301.570.711
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b><u>14.018.575.271</u></b>	<b><u>13.022.887.159</u></b>

**7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	4.104.049.539	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.000.000	5.000.000
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	22.727.708.665	15.824.658.711
Thuế tài nguyên nộp thừa	1.280.563.049	3.578.118.249
Khoản phải nộp ngân sách từ lợi nhuận sau thuế nộp thừa	1.966.621.579	-
<b>Cộng</b>	<b><u>30.083.942.832</u></b>	<b><u>19.407.776.960</u></b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Tại 01/01/2019	169.044.775.965	54.555.851.860	62.100.911.887	3.581.149.389	2.176.878.177	291.459.567.278
Đầu tư hoàn thành	1.302.351.862	528.014.000	71.430.000	-	-	1.901.795.862
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b><u>170.347.127.827</u></b>	<b><u>55.083.865.860</u></b>	<b><u>62.172.341.887</u></b>	<b><u>3.581.149.389</u></b>	<b><u>2.176.878.177</u></b>	<b><u>293.361.363.140</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Tại 01/01/2019	97.804.822.306	42.366.374.624	33.559.184.689	3.368.111.242	1.169.440.637	178.267.933.498
Trích khấu hao	16.099.121.234	3.953.937.865	6.010.056.574	112.862.288	188.068.412	26.364.046.373
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b><u>113.903.943.540</u></b>	<b><u>46.320.312.489</u></b>	<b><u>39.569.241.263</u></b>	<b><u>3.480.973.530</u></b>	<b><u>1.357.509.049</u></b>	<b><u>204.631.979.871</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại 01/01/2019	71.239.953.659	12.189.477.236	28.541.727.198	213.038.147	1.007.437.540	113.191.633.780
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b><u>56.443.184.287</u></b>	<b><u>8.763.553.371</u></b>	<b><u>22.603.100.624</u></b>	<b><u>100.175.859</u></b>	<b><u>819.369.128</u></b>	<b><u>88.729.383.269</u></b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Công nghệ sản xuất bánh	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại 01/01/2019	22.218.522.219	175.909.091	22.394.431.310
Đầu tư hoàn thành	-	-	-
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>22.218.522.219</b>	<b>175.909.091</b>	<b>22.394.431.310</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại 01/01/2019	-	125.151.519	125.151.519
Trích khấu hao	-	18.181.820	18.181.820
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>-</b>	<b>143.333.339</b>	<b>143.333.339</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2019	22.218.522.219	50.757.572	22.269.279.791
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>22.218.522.219</b>	<b>32.575.752</b>	<b>22.251.097.971</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
Công viên Yến Sào Khánh Hòa	8.799.766.102	8.799.766.102
Xưởng Dược tửu Hải mã	6.392.133.640	6.273.113.640
Các công trình Nhà trú đông A1, A2, A4	6.900.868.247	2.644.404.123
Dự án hợp tác nhà nuôi chim yến	5.015.947.521	3.402.387.776
Dự án nghiên cứu rượu, mỹ phẩm	4.376.809.344	3.311.810.844
Dự án Cụm công nghiệp Sông Cầu	103.236.289.841	72.830.877.348
Các hạng mục khác	1.941.509.699	2.704.046.516
<b>Cộng</b>	<b>136.663.324.394</b>	<b>99.966.406.349</b>

**11. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty NGK Yến Sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000	117.300.000.000	117.300.000.000
Công ty NGK Sanest Khánh Hòa	168.500.000.000	168.500.000.000	168.500.000.000	168.500.000.000
Công ty NGK Sanna Khánh Hòa	25.500.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000
Công ty Du lịch Sanest Tourist	5.433.785.849	5.433.785.849	2.833.785.849	2.833.785.849
Công ty Sanatech Land	30.680.124.730	30.680.124.730	26.680.124.730	26.680.124.730
Công ty Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Dịch vụ và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa tại Lâm Đồng	2.925.042.130	2.925.042.130	825.042.130	825.042.130
Công ty Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa	2.773.232.946	2.773.232.946	773.232.946	773.232.946
Công ty Nông trường Dừa Cam Thịnh	8.327.633.593	8.327.633.593	7.127.633.593	7.127.633.593
Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	8.212.441.027	8.212.441.027	4.512.441.027	4.512.441.027
Công ty QBSP và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	4.482.403.920	4.482.403.920	1.482.403.920	1.482.403.920
<b>Cộng</b>	<b>404.134.664.195</b>	<b>404.134.664.195</b>	<b>385.534.664.195</b>	<b>385.534.664.195</b>

Thông tin về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh I.3.2.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con như sau:

	Doanh thu thuần và thu nhập khác		Lợi nhuận kế toán trước thuế	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Công ty NGK Yến sào Khánh Hòa (theo báo cáo tài chính hợp nhất)	2.141.497.934.210	1.892.996.111.032	102.428.157.155	92.103.131.885
Công ty Sanest Khánh Hòa (theo báo cáo tài chính hợp nhất)	1.945.280.816.196	1.789.085.317.462	139.185.431.532	134.818.441.823
Công ty Sanna Khánh Hòa	134.018.458.756	154.025.499.902	4.868.126.052	4.499.384.864
Công ty Du lịch Sanest Tourist	44.973.185.116	42.646.332.816	259.726.022	605.296.792
Công ty Sanatech Land	52.997.324.620	51.790.069.276	705.605.845	738.584.411
Công ty NT Dừa Cam Thịnh	20.246.596.252	18.212.438.618	113.482.722	238.185.413
Công ty Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	95.334.206.986	93.342.172.026	849.739.576	732.202.353
Công ty QBSP và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa	45.091.601.021	44.146.551.847	220.615.537	337.210.325
Công ty Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa	13.485.018.356	19.557.948.976	5.835.641	183.987.393
Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	27.563.679.279	25.638.157.999	124.732.150	1.311.063.231
Công ty DVDL và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa Lâm Đồng	21.961.824.418	20.027.471.645	97.981.147	120.895.121
<b>Cộng</b>	<b>4.542.450.645.210</b>	<b>4.151.468.071.599</b>	<b>248.859.433.379</b>	<b>235.688.383.611</b>

**12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trung tâm trưng bày sản phẩm của Công ty Yến sào Khánh Hòa	969.456.000	969.456.000	969.456.000	969.456.000
<b>Cộng</b>	<b>969.456.000</b>	<b>969.456.000</b>	<b>969.456.000</b>	<b>969.456.000</b>

**13. Phải trả cho người bán**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	<b>158.194.221.134</b>	<b>37.428.109.967</b>
- Công ty Cổ phần NGK Yến Sào Khánh Hòa	41.418.586.981	3.567.606.333
- Công ty Cổ phần NGK Sanna Khánh Hòa	1.827.520.757	5.486.068.683
- Công ty Cổ phần NGK Sanest Khánh Hòa	107.313.835.353	21.292.984.691
- Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	-	154.431.626
- Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	-	523.757.206
- Công ty Cung ứng Vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	7.634.278.043	6.403.261.428
<b>Phải trả cho các khách hàng khác</b>	<b>18.034.379.223</b>	<b>23.365.951.709</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa	1.156.661.730	2.328.703.442
- Bà Lê Thị Xuân	600.937.000	1.793.951.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ - Xây dựng Khánh Vĩnh	800.949.350	2.721.399.000
- Công ty TNHH 71	1.754.270.000	-
- Công ty TNHH Lâm Khánh	1.431.583.930	-
- Các khách hàng khác	12.289.977.213	16.521.898.267
<b>Cộng</b>	<b>176.228.600.357</b>	<b>60.794.061.676</b>

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền trả trước của các bên liên quan	-	-
Tiền trả trước của các khách hàng khác	15.192.449.556	23.956.144.665
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ XNK Phan Kim Thành	1.350.809.159	2.542.794.256
- Công ty TNHH SX Dịch vụ Thương mại XNK Minh Quang	-	1.117.804.795
- Công Ty TNHH Nam Việt Sin	1.305.597.837	5.577.979
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Lê Quân	1.058.101.400	-
- Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Vân Khởi	1.048.461.921	-
- Công Ty TNHH Thương mại Hiếu Nhi	110.504.061	1.303.144.271
- Hộ kinh doanh Vĩnh Phát	-	999.975.971
- Nhà phân phối Thực phẩm Ngọc Thủy Bình Dương	1.310.775.364	1.262.804.566
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Thành Đạt	57.773	2.933.866.202
- Công Ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Toàn Gia Phát	1.087.123.902	1.346.847.020
- Công ty TNHH Thương mại Phát triển Thịnh Phát	771.145.715	1.332.273.061
- Các khách hàng khác	7.149.872.424	11.111.056.544
<b>Cộng</b>	<b>15.192.449.556</b>	<b>23.956.144.665</b>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019	01/01/2019
Thuế giá trị gia tăng	-	3.615.356.211
Thuế tiêu thụ đặc biệt	361.972.718	102.801.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	858.873.718	7.103.666.757
Khoản phải nộp ngân sách từ lợi nhuận sau thuế	-	14.498.890.751
<b>Cộng</b>	<b>1.220.846.436</b>	<b>25.320.714.885</b>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2019
Thuế GTGT hàng bán nội địa (a)	3.615.356.211	94.392.598.496	102.112.004.246	(4.104.049.539)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (a)	(5.000.000)	-	-	(5.000.000)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	102.801.166	4.923.863.709	4.664.692.157	361.972.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.103.666.757	36.521.359.618	42.766.152.657	858.873.718
Thuế thu nhập cá nhân (a)	(15.824.658.711)	15.774.045.516	22.677.095.470	(22.727.708.665)
Thuế tài nguyên (a)	(3.578.118.249)	27.137.555.200	24.840.000.000	(1.280.563.049)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	648.224.100	648.224.100	-
Các loại thuế, phí khác	-	43.500.000	43.500.000	-
Khoản phải nộp ngân sách từ lợi nhuận sau thuế (a)	14.498.890.751	34.033.378.421	50.498.890.751	(1.966.621.579)
	<b>5.912.937.925</b>	<b>213.474.525.060</b>	<b>248.250.559.381</b>	<b>(28.863.096.396)</b>
Khoản phải nộp ngân sách về khai thác yến sào (b)	(2.617.542.501)	58.167.697.930	55.000.000.000	550.155.429
<b>Cộng</b>	<b>3.295.395.424</b>	<b>271.642.222.990</b>	<b>303.250.559.381</b>	<b>(28.312.940.967)</b>

(a) Trong đó số nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (thuyết minh V.7).

(b) Khoản nộp ngân sách về khai thác yến sào nộp thừa (số âm) được trình bày trên chỉ tiêu "Các khoản khác phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh V.4) và số còn phải nộp được trình bày trên chỉ tiêu "Các khoản khác phải trả ngắn hạn khác" (xem thuyết minh V.17).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Hoạt động chăn nuôi, trồng trọt	Không chịu thuế
- Xuất khẩu	0%
- Nhân điều, xơ dừa	5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác	10%

**Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo quy định

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh IV.20 và thuyết minh VI.8.

**Thuế tài nguyên**

- Hoạt động khai thác nước dưới đất phục vụ sản xuất	3%
- Hoạt động khai thác nước khoáng	8%
- Hoạt động khai thác yến sào thiên nhiên	20%

**Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

**16. Phải trả người lao động**

Quỹ tiền lương người lao động của Công ty được trích theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương viên chức quản lý của Công ty được trích theo hướng dẫn tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ..

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả cho các đối tượng khác</b>	<b>3.444.693.300</b>	<b>7.654.707.278</b>
- Kinh phí công đoàn	697.887.132	5.824.034.728
- Tiền quỹ của các Tổ chức đoàn thể trong nội bộ Công ty	1.106.379.109	836.090.738
- Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa	550.155.429	-
- Đặt cọc giữ chỗ thuê hạ tầng Cụm công nghiệp Sông Cầu	200.000.000	300.000.000
- Các khoản khác	890.271.630	694.581.812
<b>Cộng</b>	<b><u>3.444.693.300</u></b>	<b><u>7.654.707.278</u></b>

**18. Vay và nợ ngắn hạn**

Chi tiết phát sinh và thông tin về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2019	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Tại ngày 31/12/2019
Vietcombank	-	85.095.855.465	85.095.855.465	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>85.095.855.465</b>	<b>85.095.855.465</b>	<b>-</b>

Vay tín chấp Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ("Vietcombank") bằng VNĐ theo hạn mức tín dụng. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ không quá 4 tháng kể từ ngày rút vốn; Lãi suất cho vay theo công bố Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong năm 2019 là 6,1%/năm.

**19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Số dư tại 01/01</b>	<b>14.296.493.554</b>	<b>12.134.873.169</b>
Trích từ lợi nhuận sau thuế	115.930.830.000	114.188.744.250
Thu từ các khoản khác	835.943.000	1.244.718.000
Điều chỉnh khác	-	(119.973.907)
Chi khen thưởng, phúc lợi	(131.063.266.554)	(113.151.867.958)
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b>-</b>	<b>14.296.493.554</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Tại 01/01/2018	383.533.000.000	394.414.684.402	-	777.947.684.402
Lợi nhuận năm 2018	-	-	209.591.554.787	209.591.554.787
Bổ sung vốn điều lệ	391.932.000.000	(391.932.000.000)	-	-
Ngân sách cấp vốn điều lệ	173.636.000.000	-	-	173.636.000.000
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm trước	-	28.793.738	-	28.793.738
Phân phối lợi nhuận năm 2018	-	62.866.129.286	(177.054.873.536)	(114.188.744.250)
Lợi nhuận chia cho đối tác liên doanh	-	-	(37.790.500)	(37.790.500)
Lợi nhuận nộp NSNN	-	-	(32.498.890.751)	(32.498.890.751)
<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>949.101.000.000</b>	<b>65.377.607.426</b>	<b>-</b>	<b>1.014.478.607.426</b>
Tại 01/01/2019	949.101.000.000	65.377.607.426	-	1.014.478.607.426
Lợi nhuận năm 2019	-	-	214.367.845.959	214.367.845.959
Phân phối lợi nhuận năm 2019	-	64.270.375.038	(180.201.205.038)	(115.930.830.000)
Lợi nhuận chia cho đối tác liên doanh	-	-	(133.262.500)	(133.262.500)
Lợi nhuận nộp NSNN	-	-	(34.033.378.421)	(34.033.378.421)
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>949.101.000.000</b>	<b>129.647.982.464</b>	<b>-</b>	<b>1.078.748.982.464</b>



**21. Nguồn kinh phí**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Số dư tại 01/01	961.546.000	(54.672.470)
Nguồn kinh phí Ngân sách cấp để thực hiện các đề tài nghiên cứu phát triển yến sào	250.000.000	1.437.796.740
Chi hoạt động nghiên cứu bằng nguồn kinh phí trong năm	(364.380.000)	(421.578.270)
<b>Số dư tại 31/12</b>	<b>847.166.000</b>	<b>961.546.000</b>

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Đô la Mỹ (USD)	2.760.301,62	2.511.330,10

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
<b>a. Tổng doanh thu</b>	<b>3.759.756.564.452</b>	<b>4.226.416.071.299</b>
<b>Các khoản giảm trừ:</b>	<b>30.068.352.270</b>	<b>27.723.548.516</b>
- Hàng bán bị trả lại	249.624.561	250.267.125
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (*)	4.923.863.709	4.857.230.591
- Thuế tài nguyên khai thác yến (*)	24.894.864.000	22.616.050.800
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.729.688.212.182</b>	<b>4.198.692.522.783</b>

(\*) Để thuận tiện cho việc kiểm tra và quyết toán khoản tiền Thuế tiêu thụ đặc biệt và Thuế tài nguyên phải nộp hộ cho Bên bán yến sào khai thác được trong năm của Cơ quan hữu quan, Công ty trình bày các khoản tiền này chung trong chỉ tiêu Các khoản giảm trừ doanh thu thay cho việc ghi giảm trực tiếp vào chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Công ty NGK Yến Sào Khánh Hòa	75.517.497.230	56.677.712.800
Công ty Cung ứng Vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	79.400.277.449	98.764.802.781
Công ty NGK cao cấp Yến Sào Khánh Hòa	10.319.091	-
Công ty NGK Sanest Khánh Hòa	19.127.670.635	13.343.627.911
Công ty TNHH Sanest Khánh Hòa	8.137.526.722	-
Công ty NGK Sanna Khánh Hòa	1.648.466.529	853.615.047
Công ty Du lịch Sanest Tourist	5.648.681.258	4.493.954.684
Công ty Sanatech Land	2.581.550.899	1.659.773.736
Công ty Nông trường Dừa Cam Thịnh	406.240.972	103.056.543
Công ty Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	945.068.397	773.497.364
Công ty QBSP và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa	5.352.509.537	5.887.215.025
Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	2.957.056.839	2.607.787.005
Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	1.561.694.249	1.399.557.403
Công ty DVDL và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa Lâm Đồng	1.861.750.453	2.047.646.302
<b>Cộng</b>	<b>205.156.310.260</b>	<b>188.612.246.601</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ	2.785.722.618.342	3.113.841.166.752
<b>Cộng</b>	<b>2.785.722.618.342</b>	<b>3.113.841.166.752</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.187.293.913	1.967.252.471
Cổ tức, lợi nhuận được chia	68.297.950.000	66.309.074.018
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác	-	3.223.423.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	75.613.116	23.187.151
<b>Cộng</b>	<b>69.560.857.029</b>	<b>71.522.936.840</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Chi phí lãi vay	769.234.032	2.180.205.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá	115.497.767	96.908.308
<b>Cộng</b>	<b>884.731.799</b>	<b>2.277.114.262</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Chi phí cho nhân viên	208.628.843.661	221.680.558.594
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	12.865.938.652	13.958.174.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.488.356	181.488.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.609.556.437	58.815.943.229
Chi phí khác	310.599.479.575	460.347.393.523
<b>Cộng</b>	<b>592.885.306.681</b>	<b>754.983.557.758</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Chi phí cho nhân viên	57.834.569.353	52.280.480.189
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	9.772.215.974	8.879.839.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.640.037.619	14.710.908.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.389.918.671	4.973.722.022
Chi phí khác	24.420.479.688	13.620.771.477
<b>Cộng</b>	<b>112.057.221.305</b>	<b>94.465.722.483</b>

**7. Khoản phải nộp Ngân sách nhà nước về khai thác yển sào**

Đây là khoản nộp Ngân sách nhà nước về khai thác yển sào sau khi trừ phần nộp thuế tài nguyên (thuyết minh VI.1) và chi phí khai thác yển theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Để thuận tiện cho việc kiểm tra và quyết toán khoản phải nộp ngân sách Nhà nước về khai thác yển sào của Cơ quan hữu quan, Công ty trình bày khoản phải nộp này thành một khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay cho việc ghi giảm trực tiếp vào chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Khoản phải nộp ngân sách nhà nước về khai thác yển sào được dự tính như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu khai thác yển sào	116.410.007.000	113.080.254.000
Chi phí khai thác yển sào	(31.104.753.870)	(30.215.043.869)
Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ	(24.894.864.000)	(22.616.050.800)
<b>Số tiền phải nộp NSNN về khai thác yển sào phải nộp</b>	<b>60.410.389.130</b>	<b>60.249.159.331</b>
Điều chỉnh thuế tài nguyên phải nộp bổ sung của các năm trước	(2.242.691.200)	-
<b>Số tiền phải nộp NSNN về khai thác yển sào trong năm</b>	<b>58.167.697.930</b>	<b>60.249.159.331</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>250.889.205.577</b>	<b>245.557.707.444</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	15.542.512	582.129.857
- Các khoản chi phí không được trừ	15.542.512	582.129.857
Các khoản điều chỉnh giảm	(68.297.950.000)	(66.309.074.018)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(68.297.950.000)	(66.309.074.018)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>182.606.798.089</b>	<b>179.830.763.283</b>
Thuế TNDN phải nộp tính theo thuế suất phổ thông (20%)	36.521.359.618	35.966.152.657
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>36.521.359.618</b>	<b>35.966.152.657</b>

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các công ty con	Công ty mẹ - Công ty con
Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên	Thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch giữa Công ty với các công ty con trong năm: Mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu, bao bì, hàng hóa, dịch vụ; Thanh toán tiền mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu, bao bì, hàng hóa, dịch vụ; Góp vốn vào công ty con; Nhận cổ tức từ công ty con. Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

**Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con:** Thuyết minh VI.1.b.

**Mua hàng hóa và dịch vụ của công ty con:**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Công ty NGK Yến Sào Khánh Hòa	936.925.000.281	946.158.356.498
Công ty Cung ứng Vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	164.593.000.000	41.250.000.000
Công ty NGK Sanest Khánh Hòa	1.061.613.864.523	1.360.131.045.601
Công ty NGK Sanna Khánh Hòa	24.045.378.524	36.666.069.328
Công ty Du lịch Sanest Tourist	6.726.188.182	9.412.110.569
Công ty Sanatech Land	7.451.050.871	12.379.940.016
Công ty Nông trường Dừa Cam Thịnh	375.000	605.954.000
Công ty Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	674.346.693	1.462.958.903
Công ty QBSP và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa	1.456.407.727	1.404.120.444
Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	292.426.364	494.576.369
Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	302.744.296	524.327.682
Công ty DVDL và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa Lâm Đồng	88.904.818	83.295.726
<b>Cộng</b>	<b><u>2.204.169.687.279</u></b>	<b><u>2.410.572.755.136</u></b>

**Cổ tức và lợi nhuận được hưởng từ công ty con:**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Công ty NGK Yến Sào Khánh Hòa	28.500.000.000	27.448.200.000
Công ty NGK Sanest Khánh Hòa	38.500.000.000	37.440.700.000
Công ty NGK Sanna Khánh Hòa	1.297.950.000	1.198.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>68.297.950.000</u></b>	<b><u>66.087.400.000</u></b>

Giao dịch giữa Công ty với Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên: Chi trả tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi theo quy chế của Công ty.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<b>Nợ phải thu</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (thuyết minh V.2)</b>		
- Công ty Cung ứng Vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	-	256.130.925
- Công ty NGK Yến Sào Khánh Hòa	11.771.430	-
- Công ty Nông trường dừa Cam Thịnh	43.036.604	957.053.125
- Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	44.589.276	-
- Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	77.531.096	-
- Công ty QBSP và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	97.407.942	1.764.864.060
- Công ty DVDL và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	19.356.693	647.406.120
- Công ty Du lịch Sanest Tourist	18.024.813	2.170.747.723
- Công ty Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	413.708.381	463.060.639
- Công ty Sanatech Land	4.642.947	2.707.517.802
<b>Cộng</b>	<b><u>730.069.182</u></b>	<b><u>8.966.780.394</u></b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (thuyết minh V.4)</b>		
- Lợi nhuận được hưởng tại Công ty NGK Yến Sào Khánh Hòa	28.500.000.000	27.448.200.000
- Lợi nhuận được hưởng tại Công ty NGK Sanest Khánh Hòa	38.500.000.000	37.440.700.000
- Lợi nhuận được hưởng tại Công ty NGK Sanna Khánh Hòa	1.262.250.000	1.198.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>68.262.250.000</u></b>	<b><u>66.087.400.000</u></b>
<b>Tổng cộng nợ phải thu</b>	<b><u>68.992.319.182</u></b>	<b><u>75.054.180.394</u></b>

<b>Nợ phải trả</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.13)		
- Công ty Cổ phần NGK Yến Sào Khánh Hòa	41.418.586.981	3.567.606.333
- Công ty Cổ phần NGK Sanna Khánh Hòa	1.827.520.757	5.486.068.683
- Công ty Cổ phần NGK Sanest Khánh Hòa	107.313.835.353	21.292.984.691
- Công ty Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	-	154.431.626
- Công ty Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	-	523.757.206
- Công ty Cung ứng Vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	7.634.278.043	6.403.261.428
<b>Cộng</b>	<b>158.194.221.134</b>	<b>37.428.109.967</b>

## 2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác, các khoản vay ngân hàng, nợ phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng cách xem xét tỷ giá ngoại hối cho từng thời điểm và tình hình biến động tỷ giá trên thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty mua bán hàng hóa, dịch vụ và vay vốn có gốc ngoại tệ trong tương lai.

### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Phải trả người bán	60.794.061.676	-	-	60.794.061.676
Các khoản phải trả khác	7.654.707.278	-	-	7.654.707.278
<b>Cộng</b>	<b>68.448.768.954</b>	-	-	<b>68.448.768.954</b>
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Phải trả người bán	176.228.600.357	-	-	176.228.600.357
Các khoản phải trả khác	3.444.693.300	-	-	3.444.693.300
<b>Cộng</b>	<b>179.673.293.657</b>	-	-	<b>179.673.293.657</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn.

**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.132.447.228	187.422.442.172	148.132.447.228	187.422.442.172
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	10.000.000.000	40.000.000.000	10.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu khách hàng	21.556.592.752	47.713.784.651	21.556.592.752	47.713.784.651
Phải thu khác	117.003.593.411	75.097.372.448	117.003.593.411	75.097.372.448
Tài sản tài chính dài hạn	969.456.000	969.456.000	969.456.000	969.456.000
<b>Cộng</b>	<b>297.662.089.391</b>	<b>351.203.055.271</b>	<b>297.662.089.391</b>	<b>351.203.055.271</b>

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả người bán	176.228.600.357	60.794.061.676	176.228.600.357	60.794.061.676
Các khoản phải trả khác	3.444.693.300	7.654.707.278	3.444.693.300	7.654.707.278
<b>Cộng</b>	<b>179.673.293.657</b>	<b>68.448.768.954</b>	<b>179.673.293.657</b>	<b>68.448.768.954</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.


**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2020




**Huỳnh Thị Trần Lê**  
Người lập biểu



**Võ Thị Liễu Nhi**  
Kế toán trưởng



  
**Nguyễn Anh Hùng**  
Tổng giám đốc